

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

OCB, BWE

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chỉ trái lệnh mở lại từng phần vị thế ngắn hạn quanh các vùng hỗ trợ, gần là quanh 1065 (+-10) và sâu hơn là 1000 (+-15).

23/11/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,088.49	-2.27
VN30	1,082.68	-2.44
HĐTL VN30F1M	1,080.00	-2.88
HNXIndex	224.54	-2.58
HNX30	468.93	-4.88
UPCoM	84.95	-1.27
USD/VND	24,256	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.39	-9
Lãi suất qua đêm (%)	0.10	+0
Dầu (WTI, \$)	77.10	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,992.25	+0.10



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,088.49 (-2.27%)  
**KLGD (triệu CP)** 899.6 (+19.5%)  
**GTGD (triệu U\$)** 850.8 (+1.8%)

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 442.67 tỷ đồng, tập trung tại VHM (0.00%), FUSSVFL (-2.34%), VPB (-2.54%)

**HNXIndex** 224.54 (-2.58%)  
**KLGD (triệu CP)** 173.9 (+67.1%)  
**GTGD (triệu U\$)** 109.8 (+39.0%)

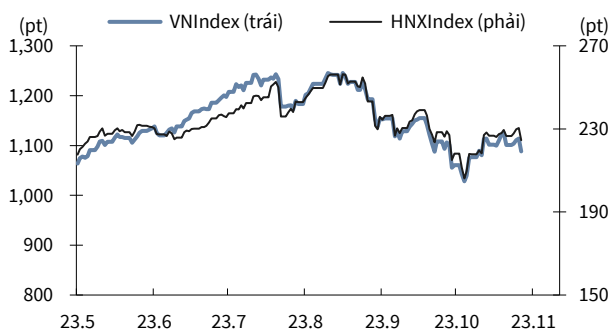
Giá gas hôm nay (23/11) giảm 0.83% xuống mức 2.88 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 12/2023 vào lúc 9h30 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở PVC(-4.95%), PVB(-4.55%).

**UPCoM** 84.95 (-1.27%)  
**KLGD (triệu CP)** 46.9 (+22.8%)  
**GTGD (triệu U\$)** 26.6 (+52.0%)

Giá thép hôm nay giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 62 nhân dân tệ xuống mức 3,924 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 10h30 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở NKG(-6.83%), HSG(-6.82%).

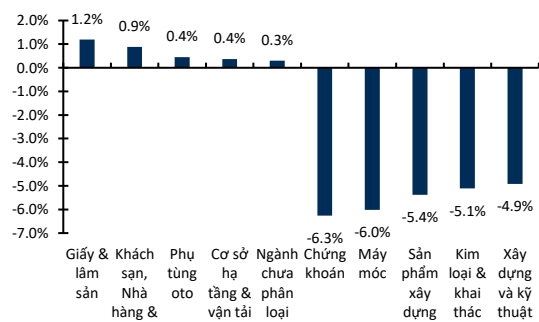
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -10.3

## VNIndex & HNXIndex



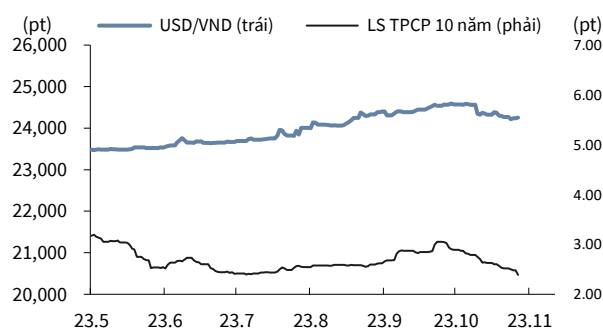
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

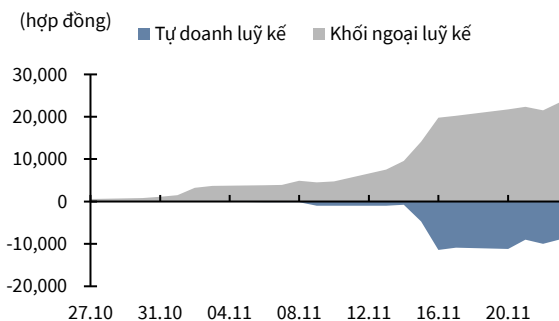
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,082.68 (-2.44%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,080.0 (-2.88%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,118.3</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,118.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,080.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>303,677 (+7.2%)</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại 7.6 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.27 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -2.68 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

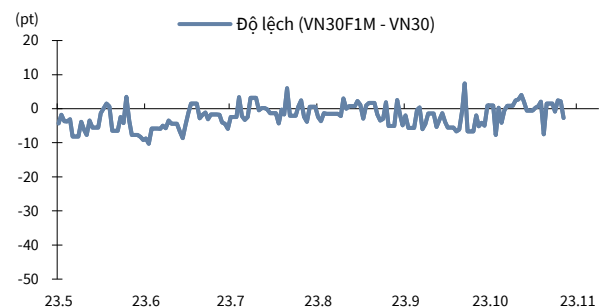
Khối ngoại mua ròng 1,932 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 23,460 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,054 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,895 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



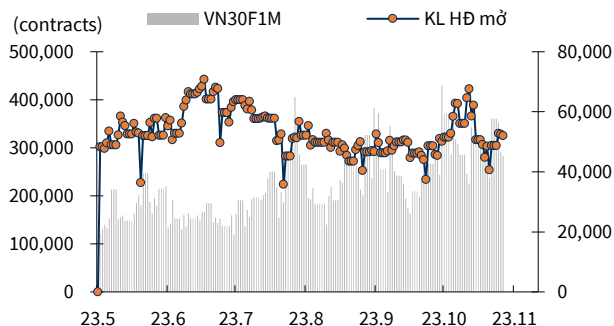
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



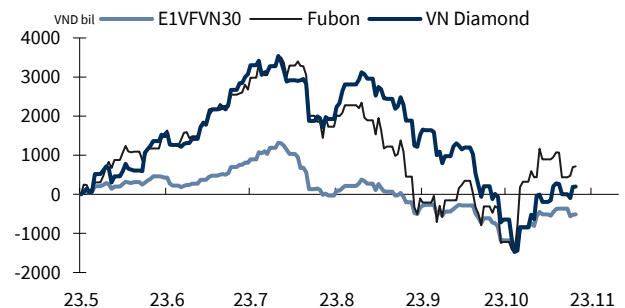
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

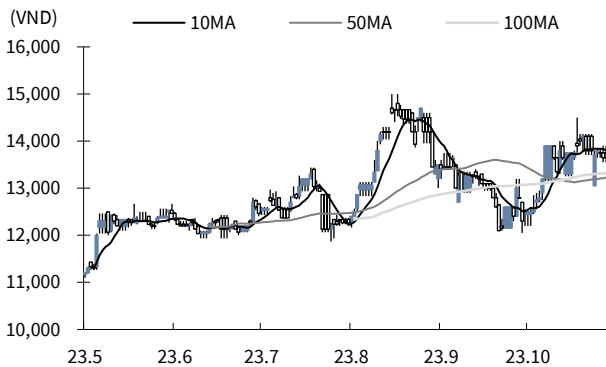
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

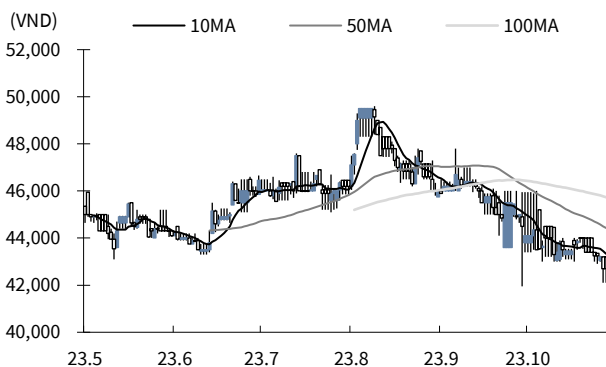
## Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- OCB giảm 0.73% xuống còn 13,650 VND/cp
- Vào ngày 15/11, OCB đã phát hành 1,000 trái phiếu mã OCB2326012, huy động thành công 1,000 tỷ đồng. Đợt phát hành mất một ngày để hoàn tất, lô trái phiếu có thời hạn 3 năm, được phát hành ở thị trường trong nước và sẽ đáo hạn vào ngày 15/11/2026.

## CTCP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương (BWE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BWE giảm 1.16% xuống còn 42,700 VND/cp
- Biwase ghi nhận tổng doanh thu trong 10 tháng đạt 2,941 tỷ đồng và lãi sau thuế là 536 tỷ đồng, giảm lần lượt 6% và 7% so với cùng kỳ. Bàn về phương hướng sản xuất kinh doanh thời gian còn lại, BWE cho biết sẽ tập trung hoàn thiện lò đốt rác phát điện 200 tấn/giờ phát 5MW điện, dự kiến khánh thành trước Tết Âm lịch và chuẩn bị thu hồi công nợ cuối năm.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen trước khi đột ngột đảo chiều giảm mạnh về cuối phiên
- Áp lực bán gia tăng mạnh về giai đoạn cuối phiên đã khiến chỉ số hình thành mẫu nến marubozu đi kèm với thanh khoản tăng, cho thấy tâm lý giao dịch của NĐT phần nào trở nên bi quan hơn. Với việc xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo và sự phản ứng của phe bán đang cho thấy sự quyết liệt hơn, rủi ro điều chỉnh trong các nhịp sau đó vẫn đang được bỏ ngỏ.
- NĐT được khuyến nghị chỉ trải lệnh mở lại từng phần vị thế ngắn hạn quanh các vùng hỗ trợ, gần là quanh 1065 (+-10) và sâu hơn là 1000 (+-15).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1105 – 1108

Kháng cự gần: 1095 – 1197

Hỗ trợ gần: 1068 – 1073

Hỗ trợ xa: 1055 – 1060

- F1 diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen trước khi đột ngột đảo chiều giảm mạnh về cuối phiên
  - Áp lực bán gia tăng mạnh về giai đoạn cuối phiên đã khiến F1 hình thành mẫu nến marubozu đi kèm với thanh khoản tăng, cho thấy tâm lý giao dịch của NĐT phần nào trở nên bi quan hơn. Với việc xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo và sự phản ứng của phe bán đang cho thấy sự quyết liệt hơn, rủi ro điều chỉnh trong các nhịp sau đó vẫn đang được bỏ ngỏ.
  - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
  - Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

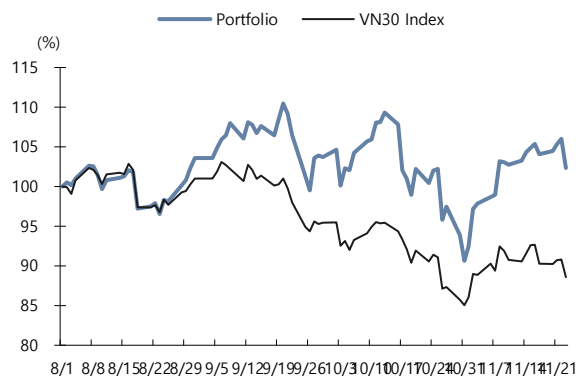
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.44%	-3.45%
Tăng lũy kế (YTD)	-11.41%	2.34%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Tên cổ phiếu	Ngày mua	Số lượng	Biến động (%)	Biên lợi (%)	Giải thích
SSI (SSI)	11/01/2023	30,900	-6.1%	13.8%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	80,800	-0.5%	12.2%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	30,400	-1.4%	6.6%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	14,600	-2.2%	2.8%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	22,200	-6.4%	8.1%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,550	-6.2%	-5.9%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	20,500	-6.8%	15.8%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietcombank (CTG)	11/01/2023	29,200	-1.6%	7.4%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	90,800	-1.0%	-2.4%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,700	-2.4%	6.3%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	-3.4%	18.1%	929.3
VND	-5.9%	23.2%	811.2
GMD	-1.0%	48.8%	231.8
PVD	-4.0%	23.0%	213.5
OCB	-0.7%	14.2%	154.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	23.3%	-1,186.5
FUESSVFL	-2.3%	96.1%	-888.3
VPB	-2.5%	28.6%	-715.3
BCM	-1.7%	2.3%	-637.8
VRE	-0.9%	32.5%	-547.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-7.6%	14.0%	49.0
CEO	-6.0%	4.7%	42.7
MBS	-9.6%	0.6%	11.5
EVS	-3.4%	0.4%	5.4
TNG	-4.2%	20.0%	4.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-5.0%	21.6%	-20.0
TIG	-3.3%	12.2%	-19.2
PMC	-0.1%	3.5%	-11.3
BVS	-5.0%	8.8%	-4.2
MAC	-3.9%	0.8%	-2.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	2.8%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	1.7%	DRC, CSM, PAC, TNC
Giấy & lâm sản	0.7%	DHC, HAP, HHP, VID
Vận tải hàng không & Logistics	-0.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Đồ gia dụng	-0.6%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-7.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Đồ uống	-5.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Quản lý & phát triển bất động sản	-5.2%	VHM, VIC, NVL, BCM
Kim loại & khai thác	-4.8%	HPG, HSG, NKG, KSB
Sản phẩm xây dựng	-4.2%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	9.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Kim loại & khai thác	6.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Cơ sở hạ tầng & vận tải	5.4%	GMD, LGC, CII, HAH
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	5.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	3.8%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-12.7%	SAB, BHN, SMB, SCD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-9.5%	AST, VNG, DSN, DAH
Dược	-8.9%	DHG, IMP, TRA, DBD
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-8.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tiện ích khí	-7.4%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	250,677 (10.3)	22.5	41.1	-	14.7	3.3	0.0	1.3	1.4	-1.7	-8.4	-4.9	-23.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	325,895 (13.3)	26.6	4.5	5.0	35.9	22.4	19.2	1.0	0.8	0.0	-5.2	-12.6	-18.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	138,040 (5.6)	17.8	12.0	11.7	-7.6	12.2	10.6	1.4	1.3	-0.9	-5.2	-15.0	-14.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	487,563 (20.0)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	-2.0	1.5	24.5	21.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	48,075 (2.0)	11.6	24.4	22.1	13.7	8.9	10.5	1.8	1.7	-3.1	-2.2	2.3	29.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	404,366 (16.6)	13.9	68.0	37.8	-	3.7	3.4	1.3	1.2	-6.8	-3.9	11.6	54.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	103,238 (4.2)	6.3	15.3	12.9	11.7	21.4	20.5	2.9	2.3	-1.4	-2.8	-0.6	26.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	35,688 (1.5)	12.7	11.0	8.8	-5.3	18.7	19.6	1.8	1.5	-1.4	-1.7	4.1	11.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	121,990 (5.0)	0.0	5.8	5.0	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	-1.8	-4.1	-3.0	17.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	87,347 (3.6)	1.4	7.6	6.7	50.3	16.2	17.3	1.1	1.0	-1.4	-3.5	-1.0	7.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	203,797 (8.4)	0.0	11.7	8.9	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	-2.5	-3.8	-9.0	7.0
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	153,546 (6.3)	0.0	4.7	4.0	14.6	25.9	25.0	1.0	0.8	-0.8	-3.2	0.0	20.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	159,248 (6.5)	4.2	6.0	4.4	23.3	22.1	23.9	1.2	1.0	-3.0	-4.7	2.8	30.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	518,938 (21.3)	14.0	7.8	4.8	26.5	17.6	22.5	1.2	0.9	-3.1	-6.6	-6.0	25.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	92,939 (3.8)	0.0	6.9	6.0	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	-0.6	-2.9	1.2	12.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	163,606 (6.7)	0.2	16.6	10.1	27.3	7.7	11.4	1.5	1.3	-3.7	-3.7	0.5	-6.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,779 (0.5)	21.0	16.6	16.4	15.8	8.6	8.4	1.4	1.4	-0.9	-1.9	-0.6	-13.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,951 (0.1)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-1.9	-2.3	-3.2	8.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	783,427 (32.1)	55.4	22.0	19.7	-3.2	9.1	8.8	2.0	2.0	-6.1	-4.3	-0.5	74.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	312,903 (12.8)	71.9	34.4	24.8	-4.0	7.9	10.8	2.7	2.7	-7.0	-2.3	10.0	74.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	163,392 (6.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-5.6	-3.4	-3.1	43.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	517,366 (21.2)	27.2	18.0	17.7	36.3	9.3	9.3	1.7	1.6	-5.9	-1.9	4.3	52.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	162,136 (6.6)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.2	30.5	4.6	4.3	-1.0	-2.3	-2.3	-9.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	44,103 (1.8)	36.9	17.3	15.6	7.3	18.6	19.5	3.2	2.9	-4.9	-5.9	-12.6	-27.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	125,770 (5.2)	16.5	57.7	29.6	-51.9	3.9	11.7	3.3	3.0	-2.5	-4.1	-5.4	-31.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	6,786 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.8	4.3	2.9	-7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	95,828 (3.9)	11.0	130.4	30.0	-88.5	2.4	12.2	3.7	3.2	-3.0	-3.2	1.4	-4.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	79,120 (3.2)	10.8	10.3	19.3	-57.0	29.8	12.7	2.4	2.2	-1.0	-2.0	13.5	53.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	171,372 (7.0)	38.4	33.4	21.3	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-5.6	-3.4	4.7	30.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	424,579 (17.4)	37.7	30.5	25.7	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.4	-6.9	-3.8	0.5	73.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	126,096 (5.2)	3.6	19.0	17.0	-52.4	3.9	4.0	0.6	0.6	-7.0	-2.5	16.1	148.8
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	22,237 (0.9)	0.0	9.7	8.1	-4.5	13.5	13.8	1.2	1.1	0.0	-0.7	-3.5	-7.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	39,358 (1.6)	46.1	14.4	14.8	-17.5	19.5	18.3	2.7	2.5	-2.5	-3.8	-5.2	-9.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,025 (0.5)	31.4	18.0	12.7	-10.5	9.0	14.6	1.6	1.6	-1.6	-1.6	4.0	-14.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	968 (0.0)	34.1	11.7	6.2	-5.1	7.4	13.1	-	-	-0.8	-2.6	-1.9	3.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	630,865 (25.9)	18.0	23.5	12.0	21.9	6.4	11.3	1.5	1.3	-5.0	-5.0	7.7	43.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	88,103 (3.6)	36.5	13.6	11.6	-0.5	6.7	9.2	1.0	1.0	-3.1	-4.1	-6.6	-24.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	127,292 (5.2)	46.5	15.5	10.5	-4.5	10.5	15.8	1.3	1.3	-3.7	-2.2	-1.4	17.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	264,400 (10.8)	38.9	18.4	18.4	67.9	6.5	8.7	1.1	1.0	-6.8	-5.1	15.8	82.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,883 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.7	-2.6	4.1	32.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,261 (1.1)	4.6	14.4	12.6	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	-1.0	-2.2	-5.1	6.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	149,115 (6.1)	39.9	30.3	13.8	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.0	-4.0	-2.6	-3.6	49.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	128,197 (5.3)	35.9	8.7	7.7	2.2	15.3	14.6	1.2	1.1	-2.7	-2.7	-9.3	13.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	455,092 (18.6)	0.0	45.4	15.3	14.4	2.0	9.7	2.3	2.1	-6.3	-10.1	-13.3	-13.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	41,663 (1.7)	0.0	15.5	13.1	2.4	18.9	19.7	2.9	2.5	-0.5	3.6	8.0	-10.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,789 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-5.2	-3.1	-6.6	75.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	44,857 (1.8)	30.3	-	27.5	-75.2	-12.4	23.8	6.6	5.5	-1.8	-3.5	6.4	66.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,914 (0.6)	34.6	14.2	19.3	41.2	15.1	9.8	1.9	1.9	-0.7	-0.6	-2.6	18.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,496 (0.1)	45.4	11.7	10.8	10.7	25.9	24.4	2.7	2.4	-1.4	-2.4	-6.7	21.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	219,420 (9.0)	0.0	18.2	14.8	15.5	28.1	29.6	4.7	4.1	-2.4	-2.4	-1.3	35.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anh1d@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.